

Số: 418/QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày 13 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non
trình độ cao đẳng, hệ chính quy, khóa đào tạo 2020-2022
(dành cho người đã có bằng trung cấp ngành sư phạm)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 42/VBHN-VPQH, ngày 10 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo “Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định “Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo và Trường khoa Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non Trường Đại học Phú Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành **Giáo dục Mầm non (mã số 51140201)** trình độ cao đẳng hệ chính quy, khóa đào tạo 2020-2022 (dành cho người đã có bằng trung cấp ngành sư phạm).

Điều 2. Căn cứ chương trình này, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *Đề cương chi tiết học phần* để sử dụng chính thức trong giảng dạy. Chương trình này được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, các phòng, ban, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.



TS. Nguyễn Định

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 418/QĐ-ĐHPY ngày 13 tháng 11 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)

Tên chương trình: GIÁO DỤC MẦM NON

(*Early childhood Education*)

(Dành cho người đã có bằng trung cấp ngành sư phạm)

Trình độ đào tạo: CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: GIÁO DỤC MẦM NON

(*Early childhood Education*)

Mã số: 51140201

Loại hình đào tạo: HỆ CHÍNH QUY

Loại bằng: CỬ NHÂN CAO ĐẲNG

Khoa quản lý: KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC và MẦM NON

Website: www.pyu.edu.vn

1. Giới thiệu chung

- *Triết lý giáo dục của Trường Đại học Phú Yên: “Chất lượng – Hiệu quả - Sáng tạo – Vì cộng đồng”.*

- *Về chương trình của ngành đào tạo:*

+ Triết lý chung của chương trình: Chất lượng – linh hoạt – đáp ứng yêu cầu xã hội.

+ Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non được xây dựng và phát triển từ năm 2004, liên tục được bổ sung, điều chỉnh theo từng khóa học để bắt kịp với xu thế đổi mới giáo dục. Nội dung chương trình đào tạo đảm bảo sinh viên ra trường có kiến thức và kỹ năng đạt chuẩn giáo viên Mầm non, sẵn sàng thích ứng với nghề nghiệp và cuộc sống.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng ngành Giáo dục mầm non (GDMN) nhằm đào tạo giáo viên mầm non (GVMN) có kiến thức chuyên môn cơ bản, tư tưởng đạo đức tốt, năng lực, phẩm chất nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển của GDMN trong điều kiện nền kinh tế tri thức, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành GDMN.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- PO1: Hiểu về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội trong mối liên hệ với khoa học giáo dục mầm non.

- PO2: Vận dụng kiến thức chuyên ngành vào hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

- PO3: Vận dụng được kiến thức nghiệp vụ để xây dựng kế hoạch chăm sóc và giáo dục trẻ tại cơ sở GDMN.

- PO4: Xây dựng được môi trường xã hội hóa GDMN.

2.2.2. Về kỹ năng

- PO5: Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ trong các cơ sở GDMN.

- PO6: Tạo ra các sản phẩm đồ dùng dạy học cho trẻ mầm non.

- PO7: Quản lý cơ sở vật chất và hồ sơ nghiệp vụ về chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.

- PO8: Quan sát và đánh giá được kết quả chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.

2.2.3. Về thái độ

- PO9: Có đạo đức nhân cách lối sống tốt, yêu nghề yêu trẻ, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

- PO10: Có ý thức tự học tự rèn luyện vươn lên trong chuyên môn nghề nghiệp.

2.2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PO11: Có khả năng hướng dẫn và phối hợp với đồng nghiệp thực hiện việc chăm sóc giáo dục trẻ tại các cơ sở GDMN.

- PO12: Có khả năng xử lý các tình huống trong hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.

2.2.5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

- Làm giáo viên tại các trường và cơ sở GDMN.

- Có thể làm chuyên viên tại các phòng Giáo dục, Sở Giáo dục.

2.2.6. Khả năng học tập nâng cao

Học liên thông lên trình độ Đại học ngành GDMN.

3. Chuẩn đầu ra

Theo Quyết định số 262/QĐ-ĐHPY ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2019.

3.1. Chuẩn đầu ra chung – PLO0: (theo Quyết định số 262/QĐ-ĐHPY)

3.2. Về kiến thức

- PLO1: Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.

- PLO2: Vận dụng kiến thức chuyên ngành và khoa học GDMN vào các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện (thể chất, tình cảm, thẩm mỹ, vui chơi, nhận thức và ngôn ngữ) cho trẻ.

- PLO3: Xây dựng được kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ và giáo dục trẻ ở các trường và cơ sở GDMN.

- PLO4: Vận dụng kiến thức về xây dựng môi trường văn hóa dân chủ, an toàn, thân thiện và phối hợp với gia đình phụ huynh học sinh, xã hội thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ trong các cơ sở GDMN.

3.3. Về kỹ năng

- PLO5: Thực hiện chính xác các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các trường và cơ sở GDMN.

- PLO6: Quan sát, đánh giá chính xác sự phát triển của trẻ thông qua các hoạt động hằng ngày ở cơ sở giáo dục.

- PLO7: Lập được chính xác kế hoạch giáo dục, chương trình giáo dục trong nhóm, lớp hướng tới sự phát triển toàn diện của trẻ.

- PLO8: Thao tác được trong việc thiết kế, làm và sử dụng đồ dùng dạy học.

- PLO9: Thao tác được công việc quản lý cơ sở vật chất, hệ thống hồ sơ sổ sách phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định.

3.4. Về thái độ

- PLO10: Yêu thương, tôn trọng, công bằng, gần gũi với trẻ.

- PLO11: Có tinh thần tự học, rèn luyện và phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo.

3.5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PLO12: Thực hiện hoặc phối hợp với đồng nghiệp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục trẻ mầm non.

- PLO13: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục trẻ mầm non.

- PLO14: Có khả năng xử lý được các tình huống bất thường xảy ra trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục trẻ mầm non.

Bảng 3.1: Quan hệ đáp ứng giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT

Mục tiêu POs	Chuẩn đầu ra PLOs													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
PO1	x													
PO2		x												
PO3			x											
PO4				x										
PO5					x		x							
PO6								x						
PO7									x					
PO8						x								
PO9										x				
PO10											x			
PO11												x	x	
PO12														x

4. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp ngành Giáo dục mầm non. Các quy định khác theo quy chế Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng số tín chỉ toàn khóa là 71 tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (chưa kể Giáo dục thể chất 3 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng – an ninh 6 tín chỉ).

STT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương (chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh)	18	14	4
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	52	44	8
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	16	12	4
2.2	Kiến thức ngành	25	21	4
2.3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	7	7	0
2.4	Thực tập sư phạm tốt nghiệp	4	4	0
Tổng cộng		70	58	12

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 414/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Bảng 6.1: Mô tả sự chuyển tải triết lý giáo dục vào CTĐT

Chương trình đào tạo: Giáo dục mầm non		Triết lý giáo dục			
		Chất lượng	Hiệu quả	Sáng tạo	Vì cộng đồng
Khối kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	x			
	Khối kiến thức cơ sở ngành		x		
	Khối kiến thức chuyên ngành		x	x	x
	Thực tập tốt nghiệp		x		
	Luận văn tốt nghiệp/Học phần thay thế	x		x	
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên	x	x	x	x
	Thi nghiệp vụ/Thực hành nghề nghiệp		x		
	Các hoạt động khác: <i>Tham quan thực tế, dạ hội sinh viên, hội trại, văn nghệ, hoạt động tình nguyện, giao lưu kết nghĩa</i>	x	x	x	x
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	PLO1		x		
	PLO2	x		x	
	PLO3	x	x		
	PLO4		x		x
	PLO5		x		x
	PLO6		x		x
	PLO7	x	x	x	x
	PLO8			x	x
	PLO9			x	x
	PLO10		x		x
	PLO11		x		x
	PLO12		x	x	x
	PLO13	x	x		x
	PLO14		x	x	x

7. Nội dung chương trình

Bảng 7.1: Nội dung chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Điều kiện tiên quyết (Số thứ tự HP)
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương		18	235	20	30	0	
7.1.1	Lý luận chính trị		6	90	0	0	0	
1	LC211012	Triết học Mác- Lênin	2	30	0	0	0	
2	LC212122	Kinh tế chính trị Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	0	0	1
3	LC224122	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	2
7.1.2	Ngoại ngữ		2	20	10	0	0	
4	NG216222	Tiếng Anh 3 (A2.3)	2	20	10	0	0	
7.1.3	Khoa học xã hội và nhân văn		8	95	10	30	0	

	- Bắt buộc:		4	35	10	30	0	
5	XH216212	Tiếng Việt	2	20	10	0	0	
6	TL211322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	36
	- Tự chọn: chọn 4/6 tín chỉ		4	60	0	0	0	
7	LC220142	Đạo đức học	2	30	0	0	0	1
8	LC210132	Mỹ học đại cương	2	30	0	0	0	1
9	XH240012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	0	
7.1.4	Khoa học tự nhiên và công nghệ		2	30	0	0	0	
10	TM212012	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	2	30	0	0	0	
7.1.5	Giáo dục thể chất		1	0	0	30	0	
11	TC222011	Giáo dục thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)	1	0	0	30	0	
7.1.6	Giáo dục quốc phòng – an ninh							
12	TC260016	Giáo dục quốc phòng – an ninh					90 tiết	
7.2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		52	460	20	450	0	
7.2.1	Kiến thức cơ sở ngành		16	205	5	60	0	
	-Bắt buộc:		12	145	5	60	0	
13	NT220802	Mỹ thuật	2	15	0	30	0	
14	TM223422	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	30	0	0	0	
15	TM223452	Vệ sinh - Chăm sóc trẻ	2	15	0	30	0	14
16	TM223442	Dinh dưỡng trẻ em	2	25	5	0	0	14
17	TL220072	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	30	0	0	0	
18	TL211162	Nghề giáo viên mầm non	2	30	0	0	0	37
	-Tự chọn: (4/6 TC)		4	60	0	0	0	
19	TL210062	Giao tiếp với trẻ	2	30	0	0	0	36
20	TL211132	Giáo dục gia đình	2	30	0	0	0	
21	TL211152	Giáo dục hòa nhập	2	30	0	0	0	37
7.2.2	Kiến thức ngành		25	180	0	360	0	
	- Bắt buộc:		21	150	0	300	0	
22	NT211802	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	2	15	0	30	0	
23	NT221802	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	2	15	0	30	0	13, 29
24	TM222122	Phương pháp tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ	2	15	0	30	0	
25	TM221032	Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	2	15	0	30	0	
26	TM221012	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ	2	15	0	30	0	
27	TM223212	Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh	2	15	0	30	0	
28	NT210722	Kỹ thuật ca hát và biên soạn động tác múa	2	15	0	30	0	22
29	NT220822	Làm đồ chơi cho trẻ	2	15	0	30	0	13
30	TM223462	Tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm cho trẻ	2	15	0	30	0	
31	TC243102	Phương pháp giáo dục thể chất	2	15	0	30	0	
32	TM223521	Trải nghiệm thực tế (1tuần)	1	0	0	45 giờ	0	

	- Tự chọn: chọn 4/6 tín chỉ		4	30	0	60	0	
33	NT210712	Đàn phím điện tử	2	15	0	30	0	
34	NT220722	Nghệ thuật tạo hình	2	15	0	30	0	13
35	TC210032	Thế dục nghệ thuật	2	15	0	30	0	
7.2.3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm		7	75	15	30	0	
36	TL210172	Tâm lý học trẻ em	2	25	5	0	0	
37	TL211122	Giáo dục học mầm non	2	20	10	0	0	36
38	TL210031	Rèn luyện NVSP thường xuyên (3)	1	0	0	30	0	
39	TL220052	Quản lý nhà trường mầm non	2	30	0	0	0	1
7.2.4	Thực tập sư phạm tốt nghiệp		4	0	0	180	0	
40	DT200024	Thực tập sư phạm tốt nghiệp (6 tuần)	4	0	0	180	0	
Tổng cộng			70	695	40	480+	0	
						180		
						180		
						giờ		

Ghi chú: Điều kiện tiên quyết thực hiện theo quy định của Trường Đại học Phú Yên.

Bảng 7.2: Mô tả liên hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
(Mức độ đáp ứng: Cao (H); Trung bình (M); Thấp (L))

Học phần	Chuẩn đầu ra PLOs													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
HP1	H													
HP2	H													
HP3	H													
HP4	H													
HP5	H													
HP6	H													
HP7	H													
HP8	H													
HP9	H	H				H								
HP10	H			H	M				M					
HP11			H		H							H		
HP13	H	H	H											
HP14	H	H		H			M							
HP15	H	H		H										
HP16			H					H	M					
HP17	H	H												
HP18	H	H	H	H	H	H	H					M	M	M
HP19	H													
HP20	H													
HP21	H													
HP22	H													
HP23	H	H		H										
HP24	H	H		H										
HP25	H	H	H	H	H									
HP26	H			H										
HP27	H	H	H		H		M		M			M	M	M
HP28	H	H	H	H	H									
HP29	H	H	H	H	H		M		M			M	M	M
HP30	H	H		H	M					H				M

HP31	H	H		H									
HP32	H	H		H	M	M							
HP33	H												
HP34	H	H	H	H		H	H	H			M		M
HP35	H	H	H	H			H	H			M		
HP36	H	H	H	H			H	H			M		
HP37	H	H	H	H			H	H			M		
HP38	H	H	H	H			H	H			M		
HP39	H	H	H		H		M		M		M	M	M
HP40	H	H	H	H		H	H	H			H		H

8. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

8.1. Học kỳ I: 18TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC211012	Triết học Mác- Lênin	2	30	0	0	0	
2	NG216222	Tiếng Anh 3 (A2.3)	2	20	10	0	0	
3	NT220802	Mỹ thuật	2	15	0	30	0	
4	TC222011	Giáo dục thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)	1	0	0	30	0	
5	TL211322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
6	XH216212	Tiếng Việt	2	20	10	0	0	
7	TM212012	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	2	30	0	0	0	
8	TL210172	Tâm lý học trẻ em	2	25	5	0	0	
9	TL211162	Nghề giáo viên mầm non	2	30	0	0	0	
10	TM223442	Dinh dưỡng trẻ em	2	25	5	0	0	
Tổng cộng			18	210	30	60	0	

8.2. Học kỳ II: 17 TC (bắt buộc: 13 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
-Bắt buộc:			13	140	10	90	0	
1	LC212122	Kinh tế chính trị Mác - Lênin - Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	0	0	
2	TL210031	Rèn luyện NVSP thường xuyên (3)	1	0	0	30	0	
3	TL211122	Giáo dục học mầm non	2	20	10	0	0	
4	TM223422	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	30	0	0	0	
5	TM223452	Vệ sinh – Chăm sóc trẻ	2	15	0	30	0	
6	TL220072	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	30	0	0	0	
7	NT211802	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	2	15	0	30	0	
-Tự chọn:			4	60	0	0	0	
8	LC220142	Đạo đức học	2	30	0	0	0	Chọn 4/6TC
9	LC210132	Mỹ học đại cương	2	30	0	0	0	
10	XH240012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			17	200	10	90	0	

8.3. Học kỳ III: 19 TC (bắt buộc: 15TC, tự chọn: 4TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			15	120	0	180	0	
1	TC260016	Giáo dục quốc phòng – an ninh	6	90 tiết				
2	LC224122	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	
3	TM223462	Tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm cho trẻ	2	15	0	30	0	
4	TM221012	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ	2	15	0	30	0	
5	TM223212	Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh	2	15	0	30	0	
6	TM222122	Phương pháp tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ	2	15	0	30	0	
7	NT220822	Làm đồ chơi cho trẻ	2	15	0	30	0	
8	TM223521	Trải nghiệm thực tế (1tuần)	1	0	0	45 giờ	0	
9	TC243102	Phương pháp giáo dục thể chất	2	15	0	30	0	
- Tự chọn:			4	60	0	0	0	
10	TL210062	Giao tiếp với trẻ	2	30	0	0	0	Chọn 4/6TC
11	TL211132	Giáo dục gia đình	2	30	0	0	0	
12	TL211152	Giáo dục hòa nhập	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			19	180	0	180	0	

8.4. Học kỳ IV: 16 TC (bắt buộc: 12TC, tự chọn: 4TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			12	75	0	90	0	
1	TM221032	Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	2	15	0	30	0	
2	NT210722	Kỹ thuật ca hát và biên soạn động tác múa	2	15	0	30	0	
3	NT221802	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	2	15	0	30	0	
4	TL220052	Quản lý nhà trường mầm non	2	30	0	0	0	
5	DT200024	Thực tập sư phạm tốt nghiệp	4	0	0	180 giờ	0	6 tuần
- Tự chọn:			4	30	0	60	0	
6	NT210712	Đàn phím điện tử	2	15	0	30	0	Chọn 4/6TC
7	NT220722	Nghệ thuật tạo hình	2	15	0	30	0	
8	TC210032	Thế dục nghệ thuật	2	15	0	30	0	
Tổng cộng			16	105	0	150	0	

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Triết học Mac – Lênin

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Khái quát về triết học. Triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử: hình thái kinh tế xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, triết học về con người.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập, tự học, tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị tiếp theo (*Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh*) và các học phần thuộc ngành/chuyên ngành của chương trình đào tạo.

9.2. Kinh tế chính trị- Chủ nghĩa xã hội

2TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin

Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất về Kinh tế chính trị Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học, hai trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

Học phần này làm cơ sở lý luận cho sinh viên tiếp cận các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (*Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh*) và các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

9.3. Lịch sử Đảng – Tư tưởng Hồ Chí Minh

2TC

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần Lịch sử Đảng và Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về văn hóa, đạo đức, con người.

Học phần trang bị cho người học thế giới quan, phương pháp luận khoa học để người học tự nghiên cứu, học tập các học phần thuộc chuyên ngành của chương trình đào tạo.

9.4. Tiếng Anh 3 (A2.3)

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở cuối trình độ sơ cấp bậc 2 (A2.3) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 2 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.5. Tiếng Việt

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm: Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Ngữ âm Tiếng Việt, Từ vựng Tiếng Việt, Ngữ pháp, Phong cách học Tiếng Việt. Trang bị cho sinh viên công cụ để dạy đúng nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.

9.6. Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học trẻ em

Nội dung học phần bao gồm: Các khái niệm cơ bản: Hoạt động, hoạt động trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm sáng tạo; Vị trí, mục tiêu và đặc điểm của hoạt động trải nghiệm trong trường mầm non; Nội dung hoạt động trải nghiệm ở trường mầm non liên quan đến các lĩnh vực: Hoạt động hướng vào bản thân, Hoạt động hướng đến xã hội, Hoạt động hướng đến tự nhiên, Hoạt động hướng nghiệp; Phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non; Cách thức đánh giá hoạt động trải nghiệm ở trường mầm non. Thực hành thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý trẻ em ở lứa tuổi mầm non.

9.7. Đạo đức học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác– Lênin

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống những tri thức cơ bản của đạo đức học như: nguồn gốc, tính chất, vai trò, nhiệm vụ của đạo đức, về phạm trù đạo đức, những nguyên tắc và những chuẩn mực đạo đức cần phải rèn luyện và giáo dục.

9.8. Mỹ học đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác– Lênin

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại, có hệ thống và tương đối toàn diện về mỹ học, từ đó giúp cho sinh viên có ý thức và khả năng cảm thụ, đánh giá, sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống, cho bản thân và cho nghệ thuật; góp phần xây dựng đời sống thẩm mỹ của sinh viên ngày càng phong phú và lành mạnh

9.9. Cơ sở văn hoá Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá học và văn hoá Việt Nam, về tiến trình văn hoá Việt Nam, các thành tố văn hoá Việt Nam, như văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức đời sống, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội....

Học phần cũng trang bị những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hoá Việt Nam.

9.10. Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm: Các kiến thức về tập hợp, logic, số tự nhiên, các hình học và thống kê toán. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về toán học để hình thành biểu tượng Toán cho trẻ.

9.11. Giáo dục thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)

1 TC

9.10.1. Cầu lông 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử sự ra đời và phát triển môn cầu lông; kiến thức kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông; phổ biến một số điều luật về sân bãi, dụng cụ và thi đấu đơn.

9.10.2. Bóng chuyền 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng chuyền; phổ biến một số điều luật cơ bản.

9.10.3. Bóng đá 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng đá; phổ biến luật bóng đá 5 người; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

9.10.4. Bóng bàn 1**1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng bàn; phổ biến luật thi đấu đơn.

9.10.5. Võ Cổ truyền 1**1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản môn Võ thuật cổ truyền Việt Nam; Nắm được ý nghĩa, tác dụng của việc luyện tập các môn học này đối với cơ thể con người, vận dụng môn học để rèn luyện nhằm nâng cao các tố chất thể lực cho cơ thể.

9.12. Giáo dục quốc phòng – an ninh**8 TC**

Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số: 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường TCSP, CĐSP và cơ sở giáo dục đại học.

9.13. Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số bệnh và các cách cấp cứu tai nạn thường gặp ở trẻ em. Trên cơ sở đó có những biện pháp chăm sóc và giáo dục trẻ một cách phù hợp.

9.14. Vệ sinh - Chăm sóc trẻ**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ

Những kiến thức cơ bản về vệ sinh học: vi sinh vật, ký sinh trùng và các biện pháp phòng tránh; đại cương về nhiễm khuẩn, bệnh truyền nhiễm và miễn dịch, yêu cầu và chế độ vệ sinh ở trường mầm non (vệ sinh về xây dựng; vệ sinh trang thiết bị; vệ sinh chăm sóc trẻ). Cung cấp những kiến thức lí giải vì sao những năm đầu đời quan trọng đối với trẻ; cách chăm sóc trẻ ngay từ trong bụng mẹ, những năm đầu tiên-từ khi sinh đến 6 tuổi. Tổ chức giáo dục thói quen vệ sinh, chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

9.15. Dinh dưỡng trẻ em**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ

Cung cấp kiến thức: Khái niệm về dinh dưỡng; dinh dưỡng hợp lý và tầm quan trọng của dinh dưỡng hợp lý; năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết đối với cơ thể; một số bệnh thường gặp ở trẻ nhỏ do dinh dưỡng không hợp lý; giá trị dinh dưỡng của thực phẩm, cách sử dụng và chế biến các loại thực phẩm thông dụng; an toàn vệ sinh thực phẩm. Giáo dục dinh dưỡng và dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi: Xây dựng khẩu phần ăn và thức ăn.

9.16. Nghề giáo viên mầm non**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Nội dung học phần bao gồm: Hoạt động sư phạm của GVMN: Khái niệm về nghề và nghề GVMN, Nhiệm vụ của giáo viên trong trường mầm non, Các kỹ năng nghề nghiệp của GVMN, Giao tiếp sư phạm và ứng xử sư phạm của GVMN, Khó khăn và những tình huống sư phạm trong công tác của GVMN; Nhân cách và nghề của GVMN, Chuẩn nghề nghiệp của người GVMN, Hoạt động học tập và rèn luyện hình thành nhân cách của người GVMN.

9.17. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho sinh viên tri thức về nguyên tắc xây dựng chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ theo hướng tiếp cận tích hợp; hình thành ở người học những kỹ

năng xây dựng, thiết kế kế hoạch giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục theo chương trình chăm sóc, GDMN.

9.18. Giao tiếp với trẻ

2TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học trẻ em

Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề chung về giao tiếp: khái niệm, các loại giao tiếp, các thành tố và nguyên tắc giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp. Giao tiếp và quá trình xã hội hóa của trẻ từ 0 đến 6 tuổi. Phát triển giao tiếp cho trẻ em dưới 3 tuổi, Phát triển giao tiếp cho trẻ mẫu giáo.

9.19. Giáo dục gia đình

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần bao gồm: Lý luận chung về gia đình: Khái niệm chung về gia đình, Các chức năng cơ bản của gia đình, Các mối quan hệ chủ yếu trong gia đình; Giáo dục con trong gia đình: Mục tiêu giáo dục con trong gia đình, Giáo dục con chưa đến tuổi học tiểu học, Giáo dục con là học sinh, Mối quan hệ của gia đình, nhà trường và xã hội.

9.20. Giáo dục hòa nhập

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập: Khái niệm và một số quan điểm tiếp cận giáo dục hòa nhập, Các yếu tố và đặc điểm của giáo dục hòa nhập, Tính tất yếu của giáo dục hòa nhập, Xu thế của giáo dục hòa nhập; Giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non; Thúc đẩy và hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non.

9.21. Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Lý luận và thực hành của chương trình bộ môn hướng tới việc cung cấp và rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức môi trường giáo dục, tổ chức hoạt động và đánh giá khả năng hoạt động của trẻ bằng hệ thống các phương pháp, hình thức phù hợp với xu hướng phát huy tính tích cực của trẻ, đảm bảo nguyên tắc tiếp cận tích hợp với những nội dung sau:

- Cơ sở lý luận về vai trò của giáo dục âm nhạc ở trường Mầm non.

- Các phương pháp cơ bản và các hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ Mầm non.

- Vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức để thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ ở Mầm non.

- Viết kịch ngày lễ và dàn dựng chương trình lễ hội ở trường mầm non.

9.22. Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật, làm đồ chơi cho trẻ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản sau:

Đặc điểm hình thành và phát triển hoạt động tạo hình của trẻ em; vai trò của hoạt động tạo hình trong việc giáo dục toàn diện cho trẻ mầm non; mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các độ tuổi.

Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch; xây dựng, tổ chức hoạt động giáo dục và đánh giá khả năng hoạt động tạo hình của trẻ mầm non theo hướng tiếp cận tích hợp và quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.

9.23. Phương pháp tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Những vấn đề lý luận cơ bản: Ý nghĩa và đặc điểm của việc hình thành các biểu tượng toán; mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện hình thành các biểu tượng toán cho trẻ trong GDMN.

Tổ chức các hoạt động hình thành biểu tượng toán: Tập hợp - số và phép đếm, hình dạng, kích thước, không gian và thời gian (lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá).

9.24. Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đặc điểm cảm thụ và sáng tạo tác phẩm văn học của trẻ mầm non; vai trò và yêu cầu của các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học ở trường mầm non.

9.23. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, biện pháp, hình thức và điều kiện phát triển ngôn ngữ và giao tiếp cho trẻ em. Tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ trong các cơ sở GDMN: Rèn luyện tai nghe và phát âm, phát triển vốn từ, dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, nói mạch lạc, giáo dục văn hóa giao tiếp. Mục đích, nội dung, phương pháp, biện pháp và hình thức cho trẻ làm quen với đọc, viết. Lập kế hoạch, quan sát, đánh giá sự phát triển ngôn ngữ và giao tiếp của trẻ trong GDMN

9.25. Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm: Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về phương pháp cho trẻ làm quen môi trường xung quanh (MTXQ) như nguyên tắc, yêu cầu, nội dung, phương tiện, điều kiện cho trẻ làm quen MTXQ; Các phương pháp, biện pháp và các hình thức tổ chức cho trẻ làm quen MTXQ. Rèn cho sinh viên kỹ năng hướng dẫn cho trẻ làm quen MTXQ.

9.25. Kỹ thuật ca hát và biên soạn động tác múa

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc

Kỹ thuật ca hát cơ bản (sơ lược bộ máy phát âm, hơi thở - hơi thở ca hát, bài tập luyện thanh, tư thế ca hát thông thường); động tác giữ nhịp, dàn dựng bài hát; học các bài hát phù hợp với chương trình GDMN. Khái niệm cơ bản về nghệ thuật múa, một số kỹ năng múa động tác dân gian cơ bản; Biên soạn một số động tác múa phù hợp với nội dung âm nhạc ở trường mầm non.

9.26. Làm đồ chơi cho trẻ

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật

Nội dung môn học bao gồm:

Những vấn đề chung về đồ chơi: cơ sở lý luận về đồ chơi, quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi bằng các nguyên vật liệu khác nhau. Hướng dẫn thực hành làm đồ chơi: đồ chơi xây dựng, đồ chơi học tập, đồ chơi có chủ đề, đồ chơi sân khấu và âm nhạc, đồ chơi trang trí và hài hước; một số mẫu đồ chơi khác bằng vật dụng thiên nhiên, phế liệu.

9.27. Tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm cho trẻ

2TC

Điều kiện tiên quyết : Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Lí luận giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non, bao gồm: khái niệm, quy trình giáo dục theo hướng trải nghiệm, vai trò của trải nghiệm đối với giáo dục trẻ mầm non, các yếu tố ảnh hưởng đến việc giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non, các hình thức hoạt động của trẻ ở trường mầm non. Giới thiệu mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non; Hướng dẫn sử dụng mô hình giáo dục theo hướng trải nghiệm trong các hình thức

hoạt động, với các lứa tuổi và các loại hình trường mầm non. Hướng dẫn sinh viên tổ chức các hoạt động giáo dục (hoạt động học, hoạt động vui chơi, hoạt động lao động, hoạt động tham quan, hoạt động lễ hội, hoạt động giao lưu) theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.

9.28. Phương pháp giáo dục thể chất

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Lý luận cơ bản về giáo dục thể chất cho trẻ mầm non: Nhiệm vụ, nội dung và phương tiện giáo dục thể chất; phát triển vận động chủ động cho trẻ lứa tuổi mầm non; phát triển các bài tập thể lực sáng tạo và tự lực của trẻ; cơ sở của việc dạy trẻ các thói quen và kỹ năng vận động; mối liên quan giữa phát triển các tố chất tâm vận động và thói quen vận động.

Nội dung và phương pháp dạy trẻ các bài tập vận động: Thể dục, trò chơi vận động, bài tập thụ động, bài tập chủ động, đội hình, đội ngũ, bài tập phát triển chung, vận động cơ bản; phương pháp tổ chức các hoạt động vận động của trẻ trong chế độ sinh hoạt tại trường mầm non. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động phát triển và giáo dục thể chất cho trẻ ở các cơ sở GDMN.

9.29. Trải nghiệm thực tế

1 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Tổ chức cho sinh viên trải nghiệm thực tế nội tình với các nội dung: tìm hiểu một số di tích lịch sử, các công trình kiến trúc, điêu khắc, những danh lam, thắng cảnh, tìm hiểu một số làn điệu dân ca, điệu múa... để hiểu thêm về lịch sử, đời sống văn hóa ở địa phương Phú Yên nói riêng và khu vực Nam Trung bộ nói chung. Qua đó giúp sinh viên có được những hiểu biết thực tiễn để bổ sung, hỗ trợ, phục vụ cho việc giảng dạy các phân môn ở trường mầm non khi ra trường.

9.30. Đàn phím điện tử

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc

Giúp sinh viên bước đầu làm quen và sử dụng được đàn phím điện tử làm phương tiện giảng dạy và giáo dục âm nhạc cho trẻ

9.31. Nghệ thuật tạo hình

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật

Nội dung môn học bao gồm: Những kiến thức cơ bản về nghệ thuật tạo hình; từ khái niệm đến kiến thức cụ thể của từng phân môn như: Khái niệm về nghệ thuật tạo hình, luật xa gần; giải phẫu tạo hình; Hội họa, Đồ họa-Trang trí, Điêu khắc. Trang bị những cơ sở cho sinh viên học tốt phần làm đồ chơi cho trẻ và hướng dẫn hoạt động tạo hình.

9.32. Thể dục nghệ thuật

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Hình thành cho sinh viên các kỹ năng thể dục nhịp điệu gồm 12 động tác, bài thể dục với vòng gồm 32 động tác và bài thể dục với lụa gồm 10 động tác.

9.33. Tâm lý học trẻ em

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần bao gồm: Nhập môn tâm lý học trẻ em, Lịch sử phát triển tâm lý học trẻ em, Quy luật phát triển tâm lý của trẻ em, Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em trong năm đầu (từ 2 đến 15 tháng tuổi), Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng tuổi), Các dạng hoạt động của trẻ mẫu giáo (từ 3 đến 6 tuổi), Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo bé (từ 3 đến 4 tuổi), Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo nhỡ (từ 4 đến 5 tuổi), Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo lớn (từ 5 đến 6 tuổi).

9.34. Giáo dục học mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học trẻ em

Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề chung về chăm sóc và giáo dục trẻ em dưới 3 tuổi, Nguyên tắc chỉ đạo công tác chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non, Chăm sóc và giáo dục trẻ trong năm đầu, Chăm sóc và giáo dục trẻ trong năm thứ hai, Chăm sóc và giáo dục trẻ trong năm thứ ba, Giáo dục cho trẻ mẫu giáo, Hoạt động dạy học ở trường mẫu giáo, Hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mẫu giáo, Tổ chức ngày hội, ngày lễ ở trường mẫu giáo, Chuẩn bị cho trẻ mẫu giáo vào lớp một tiểu học.

9.35. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (3)

1TC

Điều kiện tiên quyết: không

Thực hành chăm sóc và giáo dục trẻ:

- Dự giờ quan sát thực tế dạy học tại trường Mầm non để rèn kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ (hoạt động chăm sóc và hoạt động giáo dục).

- Tập giảng, rút kinh nghiệm.

9.36. Quản lý nhà trường mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin

Học phần cung cấp cho sinh viên ngành GDMN hệ thống tri thức về quản lý nhà trường mầm non: Tổng quan về quản lý và lãnh đạo nhà trường mầm non; Mô hình lý thuyết về quản lý dựa vào nhà trường mầm non; Phát triển chương trình nhà trường mầm non theo tiếp cận năng lực; Phát triển năng lực tự chủ chuyên môn trong quản lý đội ngũ giáo viên mầm non; Tiếp cận lãnh đạo dạy học trong quản lý nhà trường mầm non của hiệu trưởng; Đổi mới đánh giá trong lớp học theo quan điểm vì sự tiến bộ của trẻ; Quản lý chất lượng giáo dục mầm non; Quản lý nguồn nhân lực trong nhà trường mầm non; Quản lý tài chính trường mầm non theo định hướng tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội; Văn hoá nhà trường mầm non trong thế kỷ XXI và vai trò của người hiệu trưởng nhà trường mầm non; Tình huống và cách xử lý một số tình huống quản lý nhà trường mầm non.

9.37. Thực tập sư phạm tốt nghiệp

4 TC

Củng cố và nâng cao các kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn; vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động dạy học và giáo dục trẻ, tiếp tục rèn luyện các kỹ năng dạy học và giáo dục, kỹ năng nghiên cứu khoa học giáo dục.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

10.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Trần Lăng, 1968, Phó Hiệu trưởng	GVC, 2006	TS, Việt Nam, 2014	Triết học	Triết học Mác – Lê nin Mỹ học đại cương
2	Đào Văn Phượng, 1979, Giảng viên	GV	TS, Việt Nam, 2018	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác– Lênin
3	Nguyễn Thị Trang, 1974, Trưởng Bộ môn Nguyên lý cơ bản CN Mac-Lênin	GV	Ths, Việt Nam, 2007	Sử - Chính trị	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Võ Thị Minh Duyên, 1972, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Lịch sử Việt Nam	- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Đạo đức học
5	Trần Văn Tàu, 1975, Phó Trưởng khoa Khoa Lý luận chính trị	GVC, 2011	TS, Việt Nam, 2018	Lịch sử Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Võ Thị Kim Thoa, 1968, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2008	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 3
7	Võ Thị Ngọc Hoa, 1976, Phó Trưởng khoa Khoa học Xã hội và nhân văn	GVC, 2017	Ths, 2005 Việt Nam	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	Tiếng Việt
8	Nguyễn Thị Liên, 1974, Phó trưởng khoa GDTH – MN	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2004	Lí luận ngôn ngữ	- Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ - Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học
9	Phan Thị Ánh Tuyết, 1968, Phó Trưởng khoa Khoa Sư phạm	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Văn học	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm
10	Lê Bạt Sơn, 1969, Phó Trưởng khoa Khoa Sư phạm	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Quản lý giáo dục	- Quản lý nhà trường - Tổ chức thực hiện chương trình GDMN
11	Nguyễn Định, 1961, Phó Hiệu trưởng phụ trách	GV	TS, Việt Nam, 2008	Văn hóa dân gian	Cơ sở văn hoá Việt Nam
12	Phan Thị Quỳnh Trâm, 1985, TBM. Hóa học	GV	TS, Nga, 2014	Công nghệ thực phẩm	Dinh dưỡng trẻ em
13	Nguyễn Tấn Khôi, 1961, Trưởng khoa GDTH&MN	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 1998	Toán giải tích	- Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán - Phương pháp tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ

14	Lê Đức Hiếu, 1980, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2001	Giáo dục học (Giáo dục thể chất)	Phương pháp Giáo dục thể chất
15	Trần Đắc Ân, 1966, Phó Trưởng khoa GDTC-GDQP	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2002	Sư phạm Giáo dục thể chất	- Giáo dục thể chất 3 - Thể dục nghệ thuật
16	Trường Sĩ quan Thông tin				Giáo dục Quốc phòng-an ninh
17	Trần Thị Hồng Vân, 1972, Phó Trưởng khoa PT. Khoa Nghệ thuật	GV	Ths, Việt Nam, 2014	LL và PPDH Âm nhạc	- Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc
18	Lê Thị Hoàng Diệp, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2018	Giáo dục học (Mầm non)	- Vệ sinh - chăm sóc trẻ - Tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm cho trẻ
19	Châu Thị Hồng Nhự, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Giáo dục học	- Giáo dục học mầm non - Giáo dục hòa nhập
20	Nguyễn Xuân Thành, 1978, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2014	LL và PPDH Âm nhạc	Đàn phím điện tử
21	Phan Thị Lan, 1971, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Tâm lý học	- Tâm lý học trẻ em - Nghề giáo viên mầm non
22	Tôn Nữ Cẩm Hương, 1989, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2012	Tâm lý học	- Giáo dục gia đình - Giao tiếp với trẻ em
23	Phan Thị Lan, 1971, TBM. Mỹ thuật	GV	Ths, Thái Lan, 2012	Nghệ thuật thị giác	- Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình - Làm đồ chơi cho trẻ
24	Mai Thị Lê Hải, 1983, Giảng viên	GV	TS, Việt Nam, 2020	Giáo dục học (Giáo dục tiểu học)	- Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh
25	Khoa GD TH-MN, Khoa TLGD				Rèn luyện NVSP thường xuyên 3
26	Phan Thị Thanh Thúy, 1983, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2016	Dàn dựng múa	Kỹ thuật ca hát và biên soạn động tác múa
27	Đình Văn Tiên, 1965, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2014	Hội họa	Mỹ thuật
28	Nguyễn Thành Vinh, 1970, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam 2012	Nghệ thuật thị giác	Nghệ thuật tạo hình

10.2. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Văn Nhuận		Bác sĩ chuyên khoa 1		Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Trường Đại học Phú Yên có cơ sở vật chất tương đối hiện đại, đáp ứng nhu cầu đào tạo. Trường được quy hoạch thành khu vực với diện tích 25ha. Hiện tại, Nhà trường có 30 phòng học đạt chuẩn.

Các phòng học, phòng học chuyên dùng, phòng máy vi tính, các thiết bị và phương tiện dạy học được trang bị hiện đại đảm bảo phục vụ tốt cho công tác đào tạo chuyên ngành này.

- 1 Phòng dạy nấu ăn và 1 nhà ăn rộng 200m²
- 1 phòng dạy Mỹ thuật.
- 2 phòng dạy nhạc.
- 1 phòng dạy máy vi tính.
- 1 phòng thực hành Mầm non

11.2. Thư viện

Thư viện Trường Đại học Phú Yên có đầy đủ các đầu sách thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, lý luận chính trị - xã hội, trong đó có đủ sách giáo trình tham khảo cho chuyên ngành đào tạo.

Đầy đủ tài liệu để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập (khoảng 10 nghìn đầu sách và 1236m² sử dụng).

11.3. Danh mục giáo trình, tài liệu chính của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho học phần
1.	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2019		Triết học Mác - Lênin
2.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2019		Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2019		Chủ nghĩa xã hội khoa học
4.	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia,	2019		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

	Việt Nam		Hà Nội			
5.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2019		Tư tưởng Hồ Chí Minh
6.	New English File – Pre-intermediate (Student’s book & Workbook)	Clive oxenden, Christina latham – Koenig, Paul Seligson	Oxford University Press	2005		Tiếng Anh 3
7.	Tiếng Việt	Lê A (chủ biên)	Giáo dục	2007		Tiếng Việt
8.	Tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo cho học sinh. Tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo cho học sinh..	Nguyễn Thị Chi (Chủ biên) Trương Xuân Cảnh (Chủ biên)	Giáo dục	2017		Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm
9.	- Cơ sở văn hoá Việt Nam - Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Quốc Vượng (CB) Trần Ngọc Thêm	Giáo dục Hà Nội	1998 1999		Cơ sở văn hóa Việt Nam
10	Mỹ học đại cương	Đỗ Văn Khang	ĐHQG Hà Nội	2002		Mỹ học đại cương
11	Đạo đức học	PTS Phạm Khắc Chương; PGS, TS. Hà Nhật Thăng	Giáo dục	1998		Đạo đức học
12	Nhập môn Lý thuyết tập hợp và logic toán	Nguyễn Văn Ngọc	ĐHSP Hà Nội	1995		Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán
13	Giáo trình Thể dục	Trương Anh Tuấn	ĐHSP	2004		Thể dục
14	Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Kim Minh	ĐHSP Hà Nội	2004		Điền kinh
15	Sách Giáo trình Cầu lông	Nguyễn Trọng Hải Đào Chí Thành	ĐHSP	2004		Cầu lông 1
16	Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Việt Minh	ĐHSP	2003		Bóng chuyền 1
17	Bóng đá: Giáo trình CĐSP	TS Phạm Quang	ĐHSP	2003		Bóng đá 1
18	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	Lê Thị Mai Hoa (chủ biên)	Giáo dục	2008		Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ
19	Dinh dưỡng trẻ em	Lê Thị Mai Hoa	ĐHSP	2008		Dinh dưỡng trẻ em
20	Giáo trình phương pháp chăm sóc vệ sinh trẻ em	PGS.TS Hoàng Thị Phương	ĐHSP	2010		Vệ sinh – Chăm sóc trẻ
21	Giáo dục hòa nhập	Trần Thị Hiệp, Nguyễn Xuân Hải, Lê Thị Thúy Hằng	Giáo dục	2008		Giáo dục hòa nhập

22	Giáo dục Âm nhạc, tập 1	Phạm Thị Hòa, Ngô Thị Nam	ĐHSP	2007	Âm nhạc
23	- Giáo tiếp với trẻ em. - Giáo trình kỹ năng giao tiếp	- Võ Duy Dân - Chu Văn Đức	Nhà in Phúc Yên, Hà Nội	2006 2005	Giao tiếp với trẻ
24	Giáo dục gia đình	Ngô Công Hoàn	Giáo dục	2008	Giáo dục gia đình
25	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	Nguyễn Thị Thu Hiền	Lao động	2008	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non
26	Giáo dục âm nhạc, Tập 2	Phạm Thị Hòa	ĐHSP	2011	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc
27	PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non	Lê Thanh Thúy	ĐHSP	2003	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình
28	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ	Đặng Hồng Phương	Giáo dục	2008	Phương pháp giáo dục thể chất
29	Giáo trình Phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non làm quen với biểu toán ban đầu	Ths. Lê Thị Thanh Nga	Giáo dục	2003	PP tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ
30	PP hướng dẫn trẻ làm quen tác phẩm văn học	Ngô Thái Sơn	Giáo dục	2006	PP tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học
31	Giáo trình Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non	Đình Hồng Thái	Giáo dục	2008	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ
32	Phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh	Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân	Giáo dục	2009	Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh
33	Thế dục nghệ thuật và Thế dục nhào lộn	Phạm Nguyên Phùng, Vũ Thị Thư	Giáo dục	2000	Thế dục nghệ thuật
34	Giáo trình mỹ thuật cơ bản	Ngô Bá Công	ĐHSP	2011	Nghệ thuật tạo hình
35	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai, Đình Thị Kim Thoa	ĐHSP	2004	Tâm lý học trẻ em
36	- Giáo trình giáo dục học trẻ em - Giáo trình giáo dục học mầm non	-Trịnh Dân -Đình Văn Vang	Giáo dục Giáo dục	2006 2008	Giáo dục học mầm non
37	Rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Nguyễn Việt Bắc	Giáo dục	2007	Rèn luyện NVSPTX 3
38	Quản lý và lãnh đạo nhà trường	Bùi Minh Hiền – Nguyễn	ĐHSP	2015	Quản lý nhà trường mầm non

		Vũ Bích Hiền			
39	Âm nhạc và múa	Lê Đức Sang, Hoàng Công Dụng, Trịnh Hoài Thu	Giáo dục	2008	Kỹ thuật ca hát và biên soạn động tác múa
40	Đồ chơi và cách làm đồ chơi cho trẻ	Nguyễn Lăng Bình (chủ biên)	Nhà in Tạp chí Cộng sản	1996	Làm đồ chơi cho trẻ
41	Tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm cho trẻ mầm non	Hoàng Thị Phương	ĐHSP Hà Nội	2018	Tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm cho trẻ

11.4. Danh mục tài liệu tham khảo của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho học phần
1.	Thực tập sư phạm của sinh viên năm thứ III hệ CĐSP	Phạm Trung Thanh	ĐHSP Hà Nội	2004		Thực tập sư phạm
2.	Kiến tập và thực tập sư phạm (giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ CĐSP)	Nguyễn Đình Chính, Phạm Trung Thanh	Giáo dục	1998		Thực tập sư phạm 1
3.	Thực tập sư phạm	Nguyễn Đình Chính	Giáo dục	1991		Thực tập sư phạm
4.	Giáo trình nhạc lí phổ thông	Phạm Trọng Cầu	Giáo dục	1998		Âm nhạc
5.	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	Phạm Tú Hương	Giáo dục	2000		Âm nhạc
6.	Hát 1	Ngô Thị Nam	ĐHSP	1995		Âm nhạc
7.	Múa dân tộc Việt Nam	TS. Lâm Tô Lộc	Văn hóa	1978		Kỹ thuật ca hát và biên soạn động tác múa
8.	Khái niệm nghệ thuật múa	PTS Lê Ngọc Canh	Văn hóa thông tin	1997		Kỹ thuật ca hát và biên soạn động tác múa
9.	Trẻ mầm non ca hát	Hoàng Văn Yên	Giáo dục	1995		Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc
10.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức	PGS,PTS Nguyễn Thành Duy (chủ biên)	CTQG	1996		Tư tưởng Hồ Chí Minh
11.	Toán và PP hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ Mẫu giáo (T1&T2)	Đình Thị Nhung	ĐHSP	2003		Phương pháp tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ
12.	Giáo dục học Mầm non	Đào Thanh Âm (CB)	ĐHSP Hà Nội	2002		Giáo dục học mầm non
13.	Giáo dục học	Hà Thế Ngữ Đặng Vũ Hoạt	Giáo dục	1987		Giáo dục học đại cương

14.	Giáo dục học đại cương	Nguyễn Sinh Huy, Nguyễn Văn Lê	Giáo dục	2000		Giáo dục học đại cương
15.	Mỹ học và GD thẩm mỹ	Phạm Việt Hoa, Nguyễn T. Hoàng Yến	ĐHSP Hà Nội	2005		Mỹ học đại cương
16.	Giáo trình Mỹ học đại cương	Lê Ngọc Trà, Lâm Vinh, Huỳnh Như Phương	Giáo dục	2005		Mỹ học đại cương
17.	Tạo hình và PP hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ (Q2)	Đặng Hồng Nhật	ĐHQG HN	2006		Làm đồ chơi cho trẻ
18.	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình (T1+2)	Nguyễn Lăng Bình, Nguyễn Xuân Hòa	Giáo dục	1996		- Mỹ thuật - Nghệ thuật tạo hình
19.	Tạo hình và PP hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ	Đặng Hồng	ĐHQGHN	2006		Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình
20.	Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	Hà Nguyễn Kim Giang	Giáo dục	2000		PP tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học
21.	Tiếng Việt và phương pháp phát triển lời nói cho trẻ em	Nguyễn Quang Ninh, Bùi Kim Tuyền, Lưu Thị Lan	Giáo dục	1996		Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ
22.	Giúp con bạn phát triển	Trung tâm nghiên cứu GDMN		2002		Giáo dục gia đình
23.	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai, Đinh Thị Kim Thoa	ĐHSP	2002		Tâm lý học trẻ em
24.	Tâm lý trẻ em	Ngô Công Hoàn, Nguyễn Thị Mai Hà	Hà Nội	1997		Tâm lý học trẻ em
25.	Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh	Lê Ánh Tuyết, Phạm Thị Việt, Đặng Thu Quỳnh	Giáo dục	1996		Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh
26.	Giáo dục trẻ mẫu giáo qua truyện và thơ	Nguyễn Thu Thủy	Giáo dục	1986		PP tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học
27.	Cẩm nang điều trị nhi khoa	GS. Nguyễn Thu Nhận	Y học	1991		Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ
28.	Tâm lý học (tập 1,2)	Phạm Minh Hạc, Lê Khanh, Trần Trọng Thủy	Giáo dục, Hà Nội	1998		Tâm lý học đại cương
29.	Tâm lý học trẻ em trước tuổi học	Nguyễn Ánh Tuyết	Giáo dục	1998		Tâm lý học trẻ em
30.	Nuôi dạy con như thế nào	B.S,Pak	Phụ nữ	1974		Giáo dục gia đình

31.	Chương trình giáo dục mầm non	Bộ GD &ĐT		2007		Tổ chức thực hiện chương trình GDMN
32.	Phát triển chương trình giáo dục mầm non *kinh nghiệm Singapor* Chương trình GDMN Bộ GD &Đào tạo 2017	Vụ giáo dục mầm non		2006		Tổ chức thực hiện chương trình GDMN
33.	Tổ chức môi trường giáo dục trong trường mầm non	Trần Lan Hương	Lưu hành nội bộ			Tổ chức thực hiện chương trình GDMN
34.	Cẩm nang quản lý nhà trường	Tập thể tác giả	Chính trị quốc gia	2006		Quản lý nhà trường mầm non
35.	Tinh hoa quản lý	Tập thể tác giả	Lao động	2003		Quản lý nhà trường mầm non
36.	Nghệ thuật lãnh đạo quản lý	Lý Ân – Lý Dương	Thống kê	1999		Quản lý nhà trường mầm non
37.	Chương trình giáo dục mầm non	Bộ GD &ĐT		2007		Quản lý nhà trường mầm non
38.	Những cách thức của quản lý của thế kỉ XXI	Peter Drucker	Trẻ Hồ Chí Minh	2003		Quản lý nhà trường mầm non
39.	Đề nhà quản lý thành công	Richrd Sloma	Thông tin	1999		Quản lý nhà trường mầm non
40.	Phát triển chương trình giáo dục mầm non *kinh nghiệm Singapor*	Vụ giáo dục mầm non		2006		Quản lý nhà trường mầm non
41.	Tổ chức môi trường giáo dục trong trường mầm non	Trần Lan Hương	Lưu hành nội bộ			Quản lý nhà trường mầm non
42.	Cơ sở sinh thái học	Mai Đình Yên	Đại học Tổng hợp Hà Nội			PP hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh
43.	Việt Nam văn hóa sử cương	Đào Duy Anh	TP. Hồ Chí Minh	1992		Cơ sở văn hóa Việt Nam
44.	Giá trị tinh thần truyền thống dân tộc của Việt Nam	Trần Văn Giàu	Khoa học xã hội, Hà Nội	1980		Cơ sở văn hóa Việt Nam
45.	Mỹ học đại cương	TS. Đỗ Văn Khang	Giáo dục	1997		Mỹ học đại cương
46.	Nhập môn Lý thuyết tập hợp và logic toán	Nguyễn Văn Ngọc	ĐHSP Hà Nội	1995		Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán
47.	Dinh dưỡng người	Lê Doãn Điền, Vũ Thị Thu	Y học	1996		Dinh dưỡng trẻ em
48.	Khoa học trong ăn uống	Vũ Định	Phụ nữ	1986		Vệ sinh – Chăm sóc trẻ Dinh dưỡng trẻ em
49.	Các bài mẹ nuôi con cần biết	Lê Diễm Hương	Y học	1982		Dinh dưỡng trẻ em
50.	Giải phẫu sinh lý vệ sinh phòng bệnh trẻ em	Trần Trọng Thủy, Trần Quy	Giáo dục	1998		Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ
51.	Phát triển ngôn ngữ ở trẻ mầm non	Lê Thị Kim Anh	Giáo dục	1999		Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ
52.	Tạo hình và phương pháp hướng	Nguyễn Lăng Bình,	Hà Nội	1994		Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình

	dẫn hoạt động tạo hình	Phan Việt Hoa				
53.	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	Nguyễn Thị Hòa	Đại học Sư Phạm	2013		Tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm cho trẻ

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

12.1. Thực hiện theo quy trình đào tạo hệ thống tín chỉ

- *Đối với giảng viên:*

+ Có trình độ theo đúng chuẩn chức danh nghề nghiệp, đảm bảo yêu cầu giảng dạy trình độ cao đẳng.

+ Trước khi giảng dạy học phần được nhà trường phân công, giảng viên cần công bố đề cương chi tiết học phần trong đó cần nêu rõ: nội dung trọng tâm, phương pháp học tập; giáo trình chính, tài liệu học tập và tham khảo để sinh viên có thể lựa chọn và chuẩn bị để học tập.

+ Thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực của sinh viên.

+ Đánh giá thường xuyên và định kỳ bằng nhiều hình thức, theo đúng quy chế học vụ của Nhà trường; có phương án kiểm soát, đánh giá việc tự học của sinh viên nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

- *Đối với sinh viên:*

+ Xác định mục tiêu, lập kế hoạch học tập cho từng học kỳ và cả khóa học.

+ Bám sát chương trình đào tạo, đề cương chi tiết; có các phương pháp học tập phù hợp cho từng học phần khác nhau.

+ Chủ động trong tự học, tự nghiên cứu khoa học; Chủ động phối hợp với cố vấn học tập, khoa quản lý các phòng chức năng trong thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân.

12.2. Định hướng phát triển năng lực sinh viên

- Tập trung phát triển năng lực chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, năng lực tự học, năng lực bồi dưỡng chuyên môn và học tập suốt đời.

- Gắn kết lý thuyết và thực hành; tăng cường thực hành, thực tập tại các trường Mầm non.

- Phương pháp dạy học hướng vào việc tổ chức cho sinh viên học tập trong hoạt động và bằng hoạt động tự giác, chủ động và sáng tạo. Tăng cường sử dụng hình thức thảo luận, bài tập nghiên cứu, hợp tác nhóm học tập. Thông qua các học phần trong chương trình đào tạo rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự học, kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm.

12.3. Đảm bảo các điều kiện phục vụ đào tạo

- Đảm bảo các điều kiện về phòng học, phòng thực hành:

- 1 phòng dạy Mỹ thuật.

- 2 phòng dạy nhạc.

- 1 phòng máy vi tính.

- Phòng Thực hành Mầm non.

- Đảm bảo giáo trình, tài liệu tham khảo tại Thư viện.

